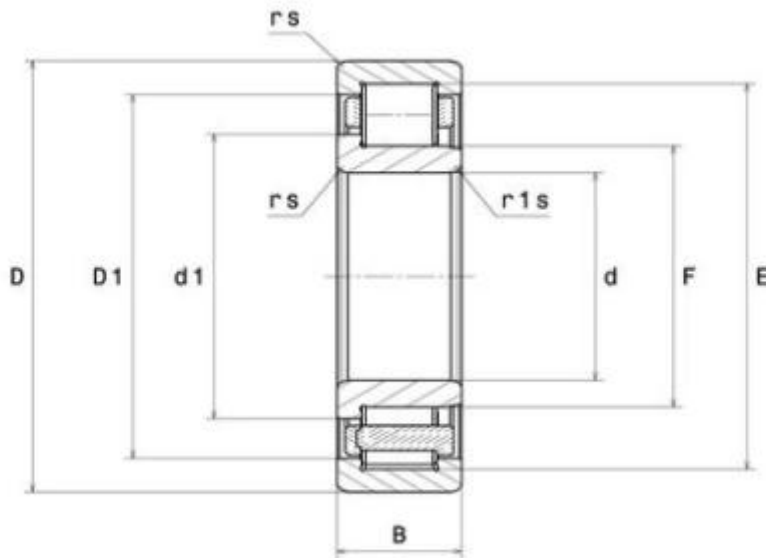


## Vòng bi NJ252



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                       |        |
|---------------------------------------|--------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất           | NTN    |
| d - Đường kính lỗ trục                | 260 mm |
| D - Đường kính ngoài                  | 480 mm |
| B - Chiều rộng                        | 80 mm  |
| E - Đường kính con lăn trên           | 420 mm |
| F - Đường kính con lăn dưới           | 320 mm |
| d1 - Đường kính ngoài của mặt bích IR | 340 mm |
| rNs - Bán kính góc lượn tối thiểu     | 5 mm   |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu      | 5 mm   |
| Khe hở vòng bi                        | CN     |

### HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 1270 kN     |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 1660 kN     |
| Cu - Giới hạn tải trọng mỗi          | 137 kN      |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu | 1600 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ  | 1300 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -40 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C      |

#### GIỚI HẠN

|                                             |        |
|---------------------------------------------|--------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 280 mm |
| dc min - Đường kính vòng trong tối thiểu GO | 323 mm |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 460 mm |
| Db min - Đường kính vai mặt tối thiểu       | 426 mm |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa           | 4 mm   |
| r1a - Bán kính góc lượn tối đa              | 4 mm   |

**NTN**®



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor